

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẦU NGANG  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20/3/2020

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Kim Na Rinh

Ông Lê Văn Được

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Phương Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh:**  
Ông Nguyễn Tấn An, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2019/ TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 12 năm 2019 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 17/02/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/QĐST –HNGĐ ngày 04/3/2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1959. Có mặt

Địa chỉ: Ấp Tr, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

**- Bị đơn:** Bà Trần Thị Th, sinh năm 1960. Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp Tr, xã Vinh K, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Nguyễn Thanh L trình bày:*

*Về hôn nhân:* Năm 1983 ông L và bà Trần Thị Th xác lập quan hệ hôn nhân nhưng không có đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn và thường xảy ra cự cãi, nhiều lần bà Th có những lời lẽ xúc phạm ông và vợ chồng ông đã sống ly thân từ tháng 4/2009 đến nay, xét thấy tình cảm không còn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

**- Về hôn nhân:** Yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Th.

- *Về con chung*: Có 03 con tên Nguyễn Thị Thu Th sinh năm 1985; Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1986 và Nguyễn Long T sinh năm 1989 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Trần Thị Th vắng mặt, qua lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Th khai:*

*Về hôn nhân*: Bà và ông Nguyễn Thanh L cưới nhau vào năm 1983 không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông L có người phụ nữ khác bên ngoài nên vợ chồng ly thân từ năm 2010 đến nay. Nay ông L yêu cầu ly hôn bà không đồng ý.

*Về con chung*: Có 03 con tên Nguyễn Thị Thu Th sinh năm 1985; Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1986 và Nguyễn Long T sinh năm 1989 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

#### **Lời phát biểu của Kiểm sát viên:**

*Về việc tuân theo pháp luật*: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chấp hành đúng quy định theo Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định theo Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh L; Về con chung: Các con của ông L và bà Th đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét.

Về án phí: Ông Nguyễn Thanh L là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên ông L được miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Phản kiến nghị: Không có

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Trần Thị Th đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Thúy theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Ông L khởi kiện yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm giải quyền quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về hôn nhân:* Ông L và bà Th chung sống với nhau vào năm 1983 trước ngày 03/01/1987 ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực nhưng không đăng ký kết hôn. Căn cứ điểm a khoản 3 của Nghị quyết số 35/2000/NQ –QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về thi hành Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của ông L và bà Th là hôn nhân thực tế và được pháp luật công nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay ông L cương quyết ly hôn với bà Th, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được do giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 4/2009 cho đến nay.

Tại biên bản ghi lời khai đề ngày 27/12/2019 mặc dù bà Th không đồng ý ly hôn với ông L nhưng quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tạo điều kiện cho ông L và bà Th hàn gắn, nhưng bà Th vẫn cố tình vắng mặt thể hiện bà Th không có thiện chí hàn gắn. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông L.

[4] *Về con chung:* Có ba con tên Nguyễn Thị Thu Th sinh năm 1985, Nguyễn Thị Thúy L sinh năm 1986 và Nguyễn Long T sinh năm 1989 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] *Về tài sản và nợ phải thu, phải trả:* Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét.

[6] *Về án phí:* Ông Nguyễn Thanh L là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ Điều 12, 14, 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông L được miễn toàn bộ án phí.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 227, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 56, 57 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X về thi hành Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 12, 14, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ông Nguyễn Thanh L được ly hôn với bà Trần Thị Th.

2. *Về con chung*: Có ba con tên Nguyễn Thị Thu Th sinh năm 1985, Nguyễn Thị Thúy L sinh năm 1986 và Nguyễn Long T sinh năm 1989 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

3. *Về tài sản và nợ phải thu, phải trả*: Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét.

4. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Ông Nguyễn Thanh L được miễn nộp toàn bộ án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thanh Mai**